TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 14/9/2023
V/v: "Chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh

Bà Nguyễn Tuyết Mai

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2023 về việc "Chia tài sản sau ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Phòng 308, chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc Ch, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Huyền L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 209 Chung cư S, đường CN13, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn trình bày: Bà Th kết hôn với ông Nguyễn Đắc Ch vào năm 1986. Sau khi kết hôn bà Th về chung sống với ông Ch tại thôn Tam Lư, xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (Nay là khu phố Tam Lư, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chung sống trên phần đất của bố mẹ ông Ch. Ban đầu phần đất này có diện tích khoảng 70m^2, vợ chồng đã xây dựng 01 nhà cấp 4, 03 gian lợp ngói trên đất. Quá trình quản lý sử dụng vì xung quanh thửa đất là thùng vũng nên vợ chồng đã tân lấp, lấn chiếm thêm để sử dụng. Đến năm 1993, vợ chồng đăng ký quyền sử dụng thửa đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng. Đến năm 2010, vợ chồng làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và ngày 25/3/2010 đã được UBND thị xã từ Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 tại khu phố Tam Lư, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đứng tên hộ ông Nguyễn Đắc Ch, bà Nguyễn Thị Th.

Quá trình sử dụng đất, năm 2003 vợ chồng phá nhà cấp 4 xây dựng một nhà 02 tầng trên đất; 01 công trình phụ, bếp, nhà tắm, sân, tường bao quanh thửa đất như hiện nay. Ngoài nhà đất vợ chồng còn có một số tài sản dùng trong sinh hoạt. Vợ chồng đã có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Huyền L, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1990. Năm 2008 chị Lương đã kết hôn với anh Nguyễn Duyên An, sinh năm 1981. Anh An, chị Lương đã về sống chung tại thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Năm 2018 anh Huynh kết hôn với chị Trần Thị Sen, hiện vợ chồng anh Huynh chị Sen đang sinh sống tại số 206, đường N13, chung cư Sơn Kỳ 1, phường Tân Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình tân tạo, xây dựng nhà đất trên hai con không có đóng góp công sức gì, vì lúc đó các con còn nhỏ.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, năm 2014 bà Th đã ly hôn ông Ch. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn, bà Th không có yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng. Sau khi ly hôn toàn bộ tài sản chung vợ chồng do ông Ch trực tiếp quản lý.

Tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Th và ông Ch gồm: 01 nhà đất như đã nêu trên; 01 tủ thờ mua năm 2007 với giá 30.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế phòng khách mua năm 2007 với giá 10.000.000 đồng; 01 ti vi Tosiba mua năm 2008 với giá 10.000.000 đồng; 01 điều hòa LG 12000BTU mua năm 2009 với giá 10.000.000 đồng; Bà Th đề nghị chia đôi và xin sở hữu bằng hiện vật gồm ½ nhà đất; 01 tivi, 01 điều hòa, 01 bộ bàn ghế.

Bị đơn trình bày: ông Nguyễn Đắc Ch đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của bà Th; Những tài sản mà bà Th yêu cầu phân chia gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 và tài sản gắn liền với đất tại Tam Lư, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh; 01 tủ thờ gỗ gụ; 01 bộ bàn ghế phòng khách gỗ gụ; 01 ti vi Tosiba; 01 điều hòa LG 12000BTU, theo ông Ch: Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông Ch cho sau khi kết hôn, năm 1996 đã được Nhà nước công

nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình gồm các thành viên: Ông Ch, bà Th, chị Lương, anh Huynh; Bà Th đề nghị được chia ½ diện tích thửa đất ông Ch không đồng ý. Các tài sản gắn liền với đất và các tài sản khác là của chung vợ chồng, anh Huynh chị Lương không có công sức đóng góp gì. Ông Ch đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Th yêu cầu được quản lý sử dụng các tài sản khác gồm: 01 bộ bàn ghế phòng khách gỗ gụ; 01 ti vi Tosiba; 01 điều hòa LG 12000BTU, ông Ch quản lý sử dụng 01 tủ thờ gỗ gụ, ông Ch đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Đăng H trình bày: Anh Huynh xác nhận không có công sức đóng góp gì đối với những tài sản chung của ông Ch, bà Th. Anh Huynh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Hiền Lương trình bày: Toàn bộ nhà đất và các tài sản mà bà Th yêu cầu phân chia là tài sản chung của ông Ch, bà Th. Chị Lương không có công sức gì. Về quyền sử dụng đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Đắc Ch, chị Lương không có yêu cầu. Chị Lương xác định quyền sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 và tài sản gắn liền với đất tại Tam Lư, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Ch, bà Th.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-PT ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 175; Điều 177; Điều 195; Điều 204; Điều 220; Điều 227; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 33; Điều 34; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 209; Điều 212; Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 49; Điều 50 Luật đất đai năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Chia cho bà Th phần đất có diện tích 96,7m^2 đất thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 tại Tam Lư, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh. Phần đất có tứ cận: Phía Nam giáp ngõ đi dài (5,5m + 1,8m + 0,86m =7,74m) và giáp thửa đất của ông Nguyễn Đắc Chung dài 0,73m; Phía Tây giáp thửa đất của ông Nguyễn Đắc Chung dài 8,10m; Phía Đông giáp lối đi vào phần đất của ông Ch dài 12,31m; Phía Bắc giáp phần đất còn lại của ông Ch dài (3,89m + 6,58m = 10,47m). Trên phần đất này có bức tường hoa sắt hướng Nam và được sở hữu các tài sản gồm: 01 tivi, 01 điều hòa, 01 bộ bàn ghế. Đồng thời được nhận số tiền 189.368.500 đồng do ông Ch trích trả chênh lệch về tài sản.

Chia cho ông Ch phần diện tích đất còn lại bao gồm cả phần lối đi có diện tích 34,7m^2 (chiều rộng hướng nam giáp ngõ là 02m; chiều rộng hướng Bắc là 3,53m) trên phần đất này có một bức tường bổ trụ 110 cùng toàn bộ tài sản gắn

liền với phần đất gồm 01 nhà 2 tầng, phần nhà 01 tầng diện tích xây dựng 153, 2m^2, sân gạch diện tích 35,1m^2, công trình phụ, bếp diện tích 19,2m^2, nhà kho lợp tôn diện tích 19,4m^2, tường bao bổ trụ 110 phía Đông và 01 tủ thờ gỗ gụ; Ông Ch có nghĩa vụ trích trả bà Th chênh lệch về giá trị tài sản là 189.368.500 đồng và trích trả anh Huynh giá trị phần đất anh Huynh được chia là 809.252.000 đồng.

Anh Huynh được nhận số tiền do ông Ch trích trả phần giá trị tài sản được hưởng là 809.252.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/6/2023, bà Nguyễn Thị Th kháng cáo bản án trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị được hưởng ½ khối tài sản chung của vợ chồng và đề nghị được nhận bằng đất ở không nhận bằng tiền và được hưởng phần tài sản của anh Huynh được chia. Phái ông Ch không đồng ý với yêu cầu của bà Th. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th; sửa một phần bản án sơ thẩm số 17/DSST ngày 13/6/2023 của TAND thành phố Từ Sơn.

Chia cho bà Th 96,7m^2 đất thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82 tại khu phố Tam Lư, phường Đồng Nguyên, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Trên phần đất này có bức tường hoa sắt hướng Nam, và được sở hữu các tài sản gồm 01 tivi, 01 điều hòa, 01 bộ bàn ghế.

Chia cho ông Ch diện tích đất 254,7m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với phần đất được chia gồm 01 nhà 02 tầng, phần nhà 01 tầng, sân gạch, công trình phụ, bếp, nhà kho lợp tôn, tường bao phía đông và 01 tủ thờ gỗ gụ. Ông Ch có nghĩa vụ trích trả bà Th số tiền 636.011.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Th nộp trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Huyền L và anh Nguyễn Đăng H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đắc Ch kết hôn vào năm 1986. Năm 2015, Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đắc Ch thuận tình ly hôn. Do đó, tài sản phát sinh trong thời gian từ 1986 đến khi chấm dứt hôn nhân được giải quyết theo chế định tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời kỳ hôn nhân từ năm 1986 đến ngày 29/05/2015, Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đắc Ch tạo dựng được một số tài sản chung bao gồm: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 tại khu phố Tam Lư, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất; 01 nhà 02 tầng; 01 khu phụ phía Đông Bắc xây 01 tầng năm 1987, cải tạo năm 1997, tường gạch đổ trần bên trên có bể nước, đang dùng 01 gian làm bếp và 01 gian làm nhà vệ sinh; 01 lán tôn phía sau lưng nhà chính, kết cấu tường gạch mái tôn, vì kèo thép, tường phía Đông sử dụng chung tường với gian bếp của khu phụ; 01 đoạn tường bao phía Đông xây gạch tường 110 bổ trụ, cao khoảng 02m, xây năm 1988; 01 sân gạch trước nhà; 01 tường hoa sắt phía Nam, cùng các tài sản vật dụng gồm: 01 tủ thờ gỗ gụ; 01 bộ bàn ghế phòng khách gỗ gụ; 01 ti vi Tosiba; 01 điều hòa LG 12000BTU. Phía bị đơn là ông Ch thống nhất về số lượng các tài sản. Bà Th đề nghị chia đôi và xin sở hữu bằng hiện vật gồm ½ nhà đất; 01 tivi, 01 điều hòa, 01 bộ bàn ghế. Ông Ch không đồng ý với đối với nội dung bà Th yêu cầu được chia ½ diện tích thửa đất, các nội dung khác ông Ch đồng ý.

Bà Th và ông Ch đều xác nhận nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông Ch cho sau khi kết hôn; Quá trình sử dụng đất vợ chồng đã tân tạo mở rộng diện tích và kiến tạo các tài sản gắn liền với đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1996. Vì vậy khi phân chia quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguồn gốc hình thành thửa đất, chia cho ông Ch phần diện tích lớn hơn bà Th là có căn cứ.

Tại bản án sơ thẩm nhận định rằng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 456939 do UBND huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc cấp ngày 07/06/1996 tại trang 2 "Chứng nhận Nguyễn Đắc Ch được quyền sử dụng 1.884m^2 đất tại Tam Lư Bé – Đồng Nguyên – Tiên Sơn – Hà Bắc". Trong tổng số 1.884m^2 đất có 01 thửa đất thổ cư (T) là thửa số 53, tờ bản đồ số 26, diện tích 337m^2 và 08 thửa đất nông nghiệp (Lúa). Trong hồ sơ đất ở lập ngày 10/5/1996 ghi "Chủ hộ: Nguyễn Đắc Ch, sinh năm 1962; Họ tên vợ của chủ hộ: Nguyễn Thị Th". Như vậy, mặc dù giấy chứng

nhận ghi tên cá nhân ông Nguyễn Đắc Ch nhưng diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là của cả hộ gia đình. Mặt khác, ngày 29/3/2009 ông Ch làm đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/3/2010 UBND thị xã Từ Sơn đã cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 300598, tại trang 1, "I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; Hộ ông: Nguyễn Đắc Ch, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968, số giấy CMND 125356077; Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh", thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 tại Tam Lư, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh. Đây chính là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 26, diện tích 337m^2 đã được công nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Như vậy, mặc dù giấy chứng nhận có thể ghi cấp cho "Nguyễn Đắc Ch – năm 1996" và cho hộ ông: Nguyễn Đắc Ch, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968 thì phải hiểu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng là hộ gia đình ông Nguyễn Đắc Ch. Hộ ông Nguyễn Đắc Ch tại thời điểm năm 1996 có 04 nhân khẩu gồm: Ông Ch, bà Th, chị Lương, anh Huynh. Quyền sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 tại Tam Lư, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh được công nhận cho 04 người gồm: ông Ch, bà Th, chị Lương, anh Huynh. Anh Huynh có đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên phần đất anh Huynh được công nhận sẽ là ¼ diện tích thửa đất. Chị Lương tự nguyện không yêu cầu và đề nghị phân chia cho cả bố và mẹ. Vì vậy, phần diện tích còn lại sẽ được chia cho bà Th và ông Ch, do thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ ông Ch cho vợ chồng, hơn nữa, sau khi vợ chồng ly hôn năm 2015, ông Ch là người quản lý, trông nom thửa đất cho đến nay, nên xác định ông Ch có nhiều công sức đóng góp hơn bà Th nên khi chia tài sản chung vợ chồng cần xem xét và phân chia tài sản cho ông Ch nhiều hơn bà Th là phù hợp.

Trước khi phân chia tách thửa đất cần xác định phần diện tích lối đi cho các phần đất được chia tách. Trên cơ sở phân tích nêu trên và căn cứ hiện trạng các công trình trên đất để đảm bảo giá trị sử dụng của các tài sản gắn liền với đất, HĐXX nhận thấy, sau khi bớt lối đi cho phần đất phía trong có chiều rộng hướng nam giáp ngõ là 02m; chiều rộng hướng Bắc là 3,53m; diện tích là 34,7m^2. Diện tích còn lại của thửa đất là 316,7m^2. Chia cho anh Huynh ¼ là 79,2m^2. Phần diện tích còn lại 237,5m^2. Chia cho bà Th phần đất phía Nam giáp ngõ đi, phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Đắc Chung; phía Đông giáp lối đi vào phần đất phía trong; Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất, có diện tích 96,7m^2, trên phần đất này chỉ có bức tường hoa sắt phía Nam. Do anh Huynh hiện đang cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh, không có nhu cầu sử dụng đất tại Tam Lư, Đồng Nguyên nên giao phần đất anh Huynh được chia cho ông Ch quản lý sử dụng. Phần đất ông Ch được chia có các tài sản gắn liền với đất gồm: Toàn bộ ngôi nhà 02 tầng, phần nhà 01 tầng diện tích xây dựng 153, 2m^2, sân gạch diện tích 35,1m^2, công trình phụ, bếp diện tích 19,2m^2, nhà kho lợp tôn diện tích 19,4m^2 và bức tường bao phía Đông đã được Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam xác định giá trị lần lượt là

334.804.444 đồng + 2.369.250 đồng + 28.631.040 đồng + 23.270.300 đồng + 3.836.160 đồng = 392.911.194 đồng;

Đối với các tài sản sinh hoạt khác gồm: 01 tủ thờ gỗ gụ 4.333.333 đồng ; 01 bộ bàn ghế phòng khách gỗ gụ 12.600.000 đồng; 01 ti vi Tosiba 1.497.000 đồng; 01 điều hòa LG 12000BTU 2.085.000 đồng (Tổng là: 20.515.333 đồng). Tổng tài sản gắn liền với đất và tài sản sinh hoạt là 418.773.342 đồng, làm tròn là 418.773.000 đồng được chia đều cho ông Ch bà Th mỗi người ½ là 209.386.500 đồng. Quyết định trên là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với phần tài sản anh Huynh được bản án cấp sơ thẩm giao cho anh phần diện tích đất là 79,2m^2, sau khi thụ lí vụ án phúc thẩm anh Nguyễn Đăng H có văn bản trình bày ý kiến: Anh xác nhận toàn bộ khối tài sản của gia đình đều do bố mẹ anh tạo dựng, anh không có công sức đóng góp hay tôn tạo tài sản, bao gồm phần đất anh Huynh được nhận nên anh không có yêu cầu đối với khối tài sản trên. Anh Huynh đề nghị giải quyết phần đất anh được nhận là 79,2m^2 chia đều cho bà Th và ông Ch. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy anh Huynh đã từ chối nhận phần tài sản là diện tích đất 79,2m^2 cần giải quyết chia 79,2m^2 cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đắc Ch để đảm bảo quy định của pháp luật. Do vậy cần giao cho ông Ch được quyền sử dụng diện tích đất là 79,2m^2 , nhưng ông Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị Th một khoản tiền tương đương với ½ của 79,2m^2 đất ($^1/_2$ x79,2m^2 x 10.217.830 đồng/m^2 = 404.626.068 đồng) là phù hợp. Do vậy kháng cáo của bà Th là có căn cứ nên cần chấp nhận một phần về chia phần tài sản của anh Huynh được hưởng cho bà Th và ông Ch.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị phần tài sản được chia theo qui định của pháp luật. Ông Ch là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ch, bà Th và mỗi người phải chịu 6.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, đo đạc hiện trạng sử dụng đất và định giá tài sản. Bà Th đã nộp tạm ứng chi phí là 10.000.000 đồng, ông Ch đã nộp 2.000.000 đồng. Bà Th đã nộp đủ chi phí tố tụng. Trả lại bà Th 4.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng

Do Tòa cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm nên bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, sửa bản án sơ thẩm số: 17/2023/HNGĐ-ST ngày 13/06/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể:

1.Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của bà Nguyễn Thị Th:

Chia cho bà Th được quyền sử dụng phần đất có diện tích 96,7m^2 đất thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 82, diện tích 351,4m^2 tại Tam Lư, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh. Phần đất có tứ cận: Phía Nam giáp ngõ đi dài (5,5m + 1,8m + 0,86m =7,74m) và giáp thửa đất của ông Nguyễn Đắc Chung dài 0,73m; Phía Tây giáp thửa đất của ông Nguyễn Đắc Chung dài 8,10m; Phía Đông giáp lối đi vào phần đất của ông Ch dài 12,31m; Phía Bắc giáp phần đất còn lại của ông Ch dài (3,89m + 6,58m = 10,47m). Trên phần đất này có bức tường hoa sắt hướng Nam và được sở hữu các tài sản gồm: 01 tivi, 01 điều hòa, 01 bộ bàn ghế. Đồng thời bà Th được nhận số tiền 593.994.568 đồng do ông Ch trích trả chênh lệch về tài sản.

Chia cho ông Ch được quyền sử dụng phần diện tích đất còn lại bao gồm cả phần lối đi có diện tích 34,7m^2 (chiều rộng hướng nam giáp ngõ là 02m; chiều rộng hướng Bắc là 3,53m) trên phần đất này có một bức tường bổ trụ 110 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với phần đất gồm 01 nhà 2 tầng, phần nhà 01 tầng diện tích xây dựng 153, 2m^2, sân gạch diện tích 35,1m^2, công trình phụ, bếp diện tích 19,2m^2, nhà kho lợp tôn diện tích 19,4m^2, tường bao bổ trụ 110 phía Đông và 01 tủ thờ gỗ gụ; Ông Ch có nghĩa vụ trích trả cho bà Th chênh lệch về giá trị tài sản là 593.994.568đồng. (Có sơ đồ kèm theo bản án)

2. Về án phí: Bà Th phải chịu 59.947.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 47.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003887 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn. Bà Th phải nộp tiếp số tiền 12.197.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ch được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm

Bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022 0000546 ngày 27/06/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông Ch, bà Th mỗi người phải chịu 6.000.000 đồng chi phí tố tụng. Bà Th đã nộp đủ chi phí tố tụng. Trả lại bà Th 4.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng (Số tiền thu của ông Ch 2.000.000 đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam